Toµ ¸n nd QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**céng hoµ x· héi chñ nghÜa viÖt nam** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**
Sè: 7**8**/2022/QĐST - KDTM	*Hµ Néi, ngµy 05 th¸ng 07 n¨m 2022*

quyÕt ®Þnh
c«ng nhËn sù tháa thuËn cña c¸c ®-¬ng sù

C¨n cø vµo §iÒu 30; Điều 35; ®iÓm a kho¶n 1 §iÒu 39; kho¶n 7 §iÒu 48; khoản 1, kho¶n 3 §iÒu 147, §iÒu 205, §iÒu 212, §iÒu 213 cña Bé luËt tè tông d©n sù 2015;

C¨n cø Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 357 cña Bé luËt dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

C¨n cø vµo Bi³n b¶n hßa gi¶i thµnh ngµy 27 tháng 06 năm 2022 vÒ viÖc c¸c ®-¬ng sù ®· tháa thuËn ®-îc víi nhau vÒ viÖc gi¶i quyÕt toµn bé vô ¸n kinh doanh thương mại thụ lý 45/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 04 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

XÉT THẤY:

C¸c tháa thuËn cña c¸c ®-¬ng sù được ghi trong bi³n b¶n hßa gi¶i thµnh vÒ viÖc gi¶i quyÕt toµn bé vô ¸n lµ tù nguyÖn; nội dung tháa thuËn giữa c¸c ®-¬ng sù kh«ng vi phạm điều cấm của luËt và kh«ng tr¸i ®¹o ®øc x· héi.

§· hÕt thêi h¹n b¶y ngµy, kÓ tõ ngµy lËp bi³n b¶n hoµ gi¶i thµnh kh«ng cã ®-¬ng sù nµo thay ®æi ý kiÕn vÒ sù tho¶ thuËn ®ã.

quyÕt ®Þnh:

I. **C«ng nhËn sù tháa thuËn gi÷a c¸c ®-¬ng sù**:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần C.** Trụ sở chính: Số 108 THĐ, Quận HK, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Minh B** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tuấn A – Phó Giám đốc. Ông Lê Quang H – Phó phòng Tổng hợp (theo Văn bản uỷ quyền số 1037/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 17/09/2021).

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980. Có hộ khẩu thường trú và ở tại: số 75A (nay là số 905) ĐLT, phường NK, quận BĐ, Thành phố Hà Nội. Bà N ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng N1(theo văn bản ủy quyền ghi nhận tại Tòa án ngày 12/5/2022).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Trọng N1,** sinh năm 1979; Có hộ khẩu thường trú và ở tại: số 75A (nay là số 905) ĐLT, phường NK, quận BĐ, Thành phố Hà Nội.

- Ông **Nguyễn Văn C,** sinh năm 1953**;** Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1952; Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1984; Ông **Nguyễn Văn B,** sinh năm 1987; Cùng

trú tại: cụm 2 xã LH, huyện ĐP, thành phố Hà Nội. Ông C, bà H, ông T, ông B cùng uỷ quyền cho ông Nguyễn Trọng N1(theo văn bản ủy quyền ghi nhận tại Tòa án ngày 17/5/2022).

II. C«ng nhËn sù tháa thuËn cña c¸c ®-¬ng sù cô thÓ nh- sau:

1. Ngân hàng TMCP C, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trọng N1 xác nhận:

- Bà Nguyễn Thị N xác nhận có nợ Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 111217/HĐTD ngày 17/12/2011; Giấy nhận nợ ngày 16/01/2012; Giấy nhận nợ ngày 18/01/2012; tính đến ngày 27/6/2022 tổng số tiền là: **2.715.393.886 đồng** ***(Hai tỷ bảy trăm mười lăm triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng)*** trong đó: Nợ gốc là 913.000.000 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm mười ba triệu đồng chẵn)*; Nợ lãi là: 1.802.393.886 đồng (trong đó lãi quá hạn là 1.200.616.705 đồng, lãi chậm trả là 601.777.181 đồng).

2. ***Hai bên thống nhất lộ trình trả nợ như sau:***

2.1. Chậm nhất là ngày 30/6/2022, bà Nguyễn Thị N thanh toán số nợ gốc 913.000.000 đồng (Chín trăm mười ba triệu đồng chẵn).

2.2. Chậm nhất vào ngày 25/8/2022, bà Nguyễn Thị N thanh toán cho Ngân hàng số nợ lãi 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn).

2.3. Chậm nhất vào ngày 30/9/2022, bà Nguyễn Thị N thanh toán cho Ngân hàng số nợ lãi: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn).

2.4. Bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng khi bà N vi phạm bất kỳ thời hạn thanh toán nêu trên.

2.5. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP C có quyền được tự phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 111205/HĐTC ngày 06/12/2011, số công chứng 6934, quyển số 04.2011 được Văn phòng công chứng số 7 - Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 09/12/2011, gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S689326 do UBND Huyện ĐP cấp ngày 20/10/2003 cấp cho Hộ ông Nguyễn Văn C. Thửa đất có diện tích: 184 m^2, số thửa: 69, số tờ bản đồ: 02 tại: Cụm 2 - xã LH, Huyện ĐP, Tỉnh Hà Tây nay là Thành phố Hà Nội.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 206046 do UBND huyện ĐP cấp ngày 30/3/2006 cho ông Nguyễn Văn C. Thửa đất có diện tích: 120 m^2, thửa đất số: 324, tờ bản đồ: 01, địa chỉ: Cụm 1- Xã LH - Huyện ĐP, Tỉnh Hà Tây nay là Thành phố Hà Nội.

2.6. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP C. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C.

III. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 43.153.939 đồng *(Bốn mươi ba triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng).*

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2020/0068167 ngày 19/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BĐ.

IV. QuyÕt ®Þnh nµy cã hiÖu lùc ph¸p luËt ngay sau khi ban hµnh vµ kh«ng bÞ kh¸ng c¸o, kh¸ng nghÞ theo thñ tôc phóc thÈm.

V. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N¬i nhËn:
- VKSND quËn Ba Đình.
- C¸c §-¬ng sù;
- L-u HS.

Thẩm phán

Nguyễn Hoài Phương